

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và 02 năm thực hiện Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện Văn bản số 2363/BCT-CTĐP ngày 05/5/2022 của Bộ Công Thương về việc đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và 02 năm thực hiện Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (CCN), UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện, kính báo cáo Bộ Công Thương như sau:

I. KẾT QUẢ 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2017/NĐ-CP VÀ 02 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2020/NĐ-CP

1. Về công tác phổ biến, quán triệt thực hiện các Nghị định; ban hành các văn bản quản lý theo thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện

1.1. Về công tác phổ biến, quán triệt thực hiện các Nghị định

Để triển khai thực hiện các Nghị định, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Công Thương và các Sở, ban ngành, địa phương liên quan quán triệt, triển khai đến công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan thông qua hệ thống văn phòng điện tử, các cuộc họp, hội nghị và lồng ghép các nhiệm vụ, mục tiêu có liên quan vào chương trình, kế hoạch thực hiện hàng năm tại cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, Sở Công Thương đã triển khai một số nội dung sau:

- Phối hợp với Cục Công Thương địa phương (Bộ Công Thương) tổ chức Hội nghị tập huấn về cơ chế, chính sách phát triển CCN để triển khai thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn cho các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khu vực miền Trung vào ngày 27/10/2017 tại thành phố Quy Nhơn; trong đó, đại biểu tỉnh Bình Định tham dự Hội nghị gồm đại diện của 11 huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp là chủ đầu tư CCN.

- Xây dựng Ấn phẩm giới thiệu tiềm năng, thế mạnh thu hút đầu tư phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh để phục vụ quảng bá, xúc tiến đầu tư vào các CCN.

- Tham mưu đề xuất hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất UBND

tinh tháo gỡ khó khăn cho các chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN kịp thời, đúng quy định.

1.2. Về ban hành các văn bản quản lý theo thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện

Để tăng cường công tác quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định phù hợp với điều kiện ở địa phương, trên cơ sở Nghị định số 68//2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn về quản lý, phát triển CCN, UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 tại Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 19/11/2018; bổ sung 02 CCN vào Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, cụ thể: CCN Bình An, huyện Tuy Phước (*Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 08/9/2020*) và CCN Giao Hội, thị xã Hoài Nhơn (*Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 22/10/2021*); ban hành Quy định về Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định (*tại Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 24/02/2020*); ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định (*tại Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 23/02/2022*).

2. Đánh giá kết quả thực hiện quản lý, phát triển CCN trên một số nội dung/quy định cụ thể

2.1. Về quy hoạch, thành lập, mở rộng CCN

Theo Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 19/11/2018, Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 và Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 28/10/2021, trên địa bàn tỉnh Bình Định quy hoạch 62 CCN với tổng diện tích 1.950,9 ha; trong đó có 53 CCN đã ban hành quyết định thành lập.

2.2. Về xử lý các CCN hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý CCN trên địa bàn

Thực hiện Thông tư liên tịch số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xử lý CCN hình thành trước khi quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Danh mục các CCN hình thành trước khi quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực (*tại Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 13/9/2013*); theo đó, trên địa bàn tỉnh có 40 CCN hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực, trong đó có 29/40 CCN cần thực hiện xử lý. Đến nay, có 25/29 CCN được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định quyết định thành lập, tiếp tục đầu tư phát triển

và thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh, 01/29 CCN (*CCN Hoài Đức*) được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định quyết định thành lập nhưng đưa ra khỏi quy hoạch để phù hợp quy hoạch chung, 03/29 CCN (*CCN Nhơn Bình, CCN Quang Trung và CCN Mỹ Thành*) thực hiện đưa ra khỏi quy hoạch để phù hợp quy hoạch chung.

2.3. Về các mô hình chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN hiện có, công tác chuyển đổi chủ đầu tư trên địa bàn

Trên địa bàn tỉnh Bình Định có 02 mô hình chủ đầu tư hạ tầng CCN: (1) Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố (*gọi tắt là UBND cấp huyện*) làm chủ đầu tư có 39 CCN và 01 CCN Tà Súc (*giai đoạn 1 do doanh nghiệp làm chủ đầu tư; giai đoạn 2 do UBND huyện Vĩnh Thạnh làm chủ đầu tư*); (2) Giao doanh nghiệp làm chủ đầu tư có 13 CCN.

- Đối với đơn vị của nhà nước làm chủ đầu tư

+ *Ưu điểm:* Thuận lợi trong công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý nhà nước. Doanh nghiệp thứ cấp trả chi phí thấp do đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN vì mục tiêu phát triển kinh tế địa phương, không vì mục tiêu lợi nhuận nên được nhiều doanh nghiệp có tiềm lực tài chính hạn chế lựa chọn đăng ký đầu tư.

+ *Nhược điểm:* Tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật chậm, thiếu đồng bộ (*do thiếu vốn, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách cấp huyện đầu tư và vốn ứng trước của doanh nghiệp thứ cấp*), việc khắc phục các hư hỏng của hạ tầng không kịp thời làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào CCN chưa có hạ tầng, có tiến độ triển khai chậm hoặc tạm dừng đầu tư trong thời gian dài làm ảnh hưởng tới quy hoạch chung và thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh vào CCN và môi trường trong khu vực; công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế do thiếu nhân sự hoặc làm việc kiêm nhiệm.

- Đối với doanh nghiệp làm chủ đầu tư

+ *Ưu điểm:* Đây là mô hình năng động, phù hợp với chủ trương kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế thị trường và giảm được gánh nặng ngân sách nhà nước; tiến độ xây dựng, chất lượng các hạng mục công trình được quan tâm đầu tư, các dịch vụ tiện ích như: bảo vệ, thu gom chất thải, xử lý nước thải... được thực hiện khá tốt; đồng thời, xử lý nhanh các hư hỏng (*hệ thống điện, cấp thoát nước, đường giao thông...*), công tác mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN cũng đạt hiệu quả hơn.

+ *Nhược điểm:* Hiệu quả dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật thấp, giá cho thuê hạ tầng cao hơn các CCN do đơn vị của nhà nước làm chủ đầu tư, chỉ phù hợp với các doanh nghiệp có năng lực tài chính, kinh nghiệm; thu hút được các CCN có điều kiện thuận lợi về giao thông, kết nối hạ tầng kỹ thuật bên ngoài, gần nguồn lao động...

Công tác chuyển đổi chủ đầu tư trên địa bàn: Đối với CCN thành lập mới thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN nhằm thu hút nhà đầu tư,

kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN một cách đồng bộ; đối với CCN đã thành lập tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN nhằm phát huy hiệu quả hoạt động CCN. Tuy nhiên, việc chuyển đổi mô hình từ đơn vị sự nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư sang doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư gặp khó khăn chủ yếu do việc xác định chi phí đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN từ ngân sách Nhà nước, từ nguồn ứng trước của doanh nghiệp thứ cấp để đầu tư CCN... nên doanh nghiệp, hợp tác xã thường tìm kiếm các CCN mới, chưa có doanh nghiệp thứ cấp để đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật. Bên cạnh đó, hiện nay còn thiếu quy định hướng dẫn chuyển đổi mô hình chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN từ đơn vị sự nghiệp nhà nước (*đã đầu tư một phần hoặc toàn bộ hạ tầng kỹ thuật từ ngân sách nhà nước*) sang doanh nghiệp làm chủ đầu tư và xử lý tài sản công đã đầu tư.

2.4. Về tổ chức thực hiện Quy chế quản lý CCN, chính sách hỗ trợ phát triển CCN tại địa phương

- Về Quy chế quản lý CCN: Năm 2018, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 24/02/2020*). Trên cơ sở đó, Sở Công Thương Bình Định đã chủ trì tham mưu UBND tỉnh Bình Định điều chỉnh Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; bổ sung mới 02 CCN (*CCN Bình An, CCN Giao Hội*); mở rộng 02 CCN (*CCN Dốc Trông Sỏi, CCN thị trấn Vân Canh*); thành lập 04 CCN (*CCN Nhơn Tân 1, CCN An Lương, CCN Hoài Châu, CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây*); chấp thuận chủ trương đầu tư 03 doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN (*CCN Nhơn Tân, CCN Cát Hiệp, CCN Hoài Châu*); điều chỉnh, bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư các CCN phù hợp tình hình thực tế...

- Về chính sách hỗ trợ phát triển CCN: Đã ban hành chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các CCN (*Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 05/4/2010*); chính sách hỗ trợ xi măng xây dựng các tuyến đường vào CCN (*Quyết định 1928/QĐ-UBND ngày 16/6/2014*)... kết quả tổng vốn ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ 28,7 tỷ đồng, riêng hỗ trợ xây dựng các tuyến đường vào các CCN 4.353 tấn xi măng (*tương đương 6,8 tỷ đồng*).

Hiện nay, Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh Bình Định thống nhất thông qua. Tuy nhiên, do dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương đầu tư Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách Trung ương chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành nên Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 chưa có đủ cơ sở để xem xét, phê duyệt, nhất là về nội dung và định mức hỗ trợ. Sở Công Thương Bình Định đã có văn bản đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện (*kiến nghị tại Báo cáo số*

62/BC-SCT ngày 20/04/2021).

2.5. Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật tại các CCN, đặc biệt là vi phạm về pháp luật đất đai, đầu tư, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; việc thực hiện chế độ báo cáo về CCN

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật tại các CCN, đặc biệt là vi phạm về pháp luật đất đai, đầu tư, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ

+ Việc thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của CCN

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 quy định về Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh, theo đó Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của CCN. Thực hiện quy định này, Sở Công Thương Bình Định đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan kiểm tra đối với CCN Đồi Hòa Sơn (xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn) do Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ làm chủ đầu tư và thanh tra CCN chế biến thủy sản Cát Khánh (xã Cát Khánh, huyện Phù Cát) do Công ty cổ phần Đầu tư HQG làm chủ đầu tư, CCN An Mơ (xã Nhơn Tân, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn) do Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại tổng hợp Trường Thịnh làm chủ đầu tư, CCN Phú An (xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn) do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn quản lý.

+ Về bảo vệ môi trường

Các CCN trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, được hình thành từ các điểm công nghiệp phần lớn do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư. Trong thời gian qua, tình hình ô nhiễm môi trường tại CCN trên địa bàn tỉnh phát sinh chủ yếu là khói bụi từ các cơ sở sản xuất thứ cấp trong CCN. Theo đó, các cơ quan chức năng của địa phương đã tiến hành kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu đơn vị khắc phục kịp thời.

Đối với việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản yêu cầu chủ đầu tư thực hiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo quy định của hồ sơ môi trường, đồng thời, đã tiến hành kiểm tra một số CCN như sau:

Năm 2019: Phối hợp với Tổng cục Môi trường kiểm tra CCN Cát Trinh, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát; kết quả kiểm tra cho thấy hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN có một số chỉ tiêu vượt so với quy chuẩn cho phép nên đơn vị đã bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đến nay, chủ đầu tư đã khắc phục hành vi vi phạm này;

Năm 2020: Kiểm tra, khảo sát thực tế và làm việc với chủ đầu tư CCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, qua đó, đã yêu cầu các đơn vị thực hiện việc đầu tư các

hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

+ *Về cấp phép xây dựng*: Thanh tra Sở Xây dựng đã kiểm tra các dự án đang triển khai xây dựng trong CCN và tiến hành xử lý hoặc chuyển UBND cấp huyện xử lý theo thẩm quyền, các vi phạm như: thiếu giấy phép xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục công trình, công trình đã được phê duyệt...

Ngoài ra, UBND cấp huyện đã chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan thường xuyên thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch xây dựng, bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong CCN trên địa bàn và tiến hành xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định pháp luật.

- *Việc thực hiện chế độ báo cáo về CCN*

Sở Công Thương Bình Định đã phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và hiện nay theo Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Điều 14 Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2.6. Về tổ chức, thực hiện thống kê, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình quy hoạch, thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động của các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định

Theo Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 19/11/2018, Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 và Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 28/10/2021; đến nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 62 CCN được quy hoạch với tổng diện tích 1.950 ha, bình quân 31 ha/CCN với 57 CCN đa ngành nghề và 5 CCN chuyên ngành¹; trong đó, có 53 CCN đã ban hành quyết định thành lập; có 52 CCN đã phê duyệt quy hoạch chi tiết, với diện tích đất công nghiệp 1.111,4 ha; 22 CCN được phê duyệt dự án đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

Về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Có 47/62 CCN đã và đang tiến hành thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; trong đó, có 18 CCN đã hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng đạt 100% diện tích²; có 15 CCN đã hoàn thành trên 50% diện tích³; việc triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng các CCN chủ yếu theo nhu cầu thuê đất của nhà đầu tư.

Về công tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

+ Có 12/62 CCN đã cơ bản hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật (*đường giao*

¹ CCN Cát Trinh; CCN Tam Quan; CCN thủy sản Mỹ Thành; CCN chế biến thủy sản Cát Khánh, CCN Giao Hội.

² CCN: Bùi Thị Xuân, Phước An, Bình Định, Gò Đá Trắng, Nhơn Hòa, Thanh Liêm, An Trường, Cầu Nước Xanh, Bình Nghi, Gò Mít, Cát Nhơn, Cát Trinh, Tam Quan, Hoài Châu, Đệ Đức - Hoài Tân, Gò Bùi, Gò Cây Duối và Canh Vinh.

³ CCN: Đồi Hóa Sơn, An Mơ, Tân Đức, Nhơn Tân 1, Phú An, Gò Cây, Bình Dương, Đại Thạnh, Cát Khánh, Bồng Sơn, Hoài Châu, Hoài Tân, Hoài Hảo, Dốc Trường Sỏi, Tà Súc.

thông nội bộ, hệ thống điện, cấp nước...); 31/62 CCN đang đầu tư dở dang và 09/62 CCN chưa triển khai đầu tư xây dựng.

+ Về tình hình đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung: Có 9 CCN đã hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Tổng vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật của 53 CCN đã thành lập là 4.017,4 tỷ đồng, vốn thực hiện 1.593,3 tỷ đồng, đạt 40%; trong đó, vốn của các đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư: 453,4 tỷ đồng, vốn của các doanh nghiệp làm chủ đầu tư: 1.099,2 tỷ đồng, vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư 74,3 tỷ đồng (*ngân sách trung ương hỗ trợ 9,6 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hỗ trợ 41 tỷ đồng, ngân sách huyện hỗ trợ 23,7 tỷ đồng*). Bình quân suất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các CCN trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 2,5 tỷ đồng/ha.

Hiện nay, có 45 CCN đã đi vào hoạt động với diện tích đất công nghiệp 950,3ha, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê 560,7 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 59%. Đã thu hút được 12 doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật 14 CCN với diện tích đất thuê 513,7 ha và 385 dự án thứ cấp đăng ký đầu tư với diện tích đất thuê 560,7 ha (*bình quân 1,5 ha/dự án*) với ngành nghề chủ yếu: Chế biến nông lâm thủy hải sản; cơ khí; bao bì các loại; may mặc; vật liệu xây dựng, sản xuất hàng kim loại đan nhựa giả mây, sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, nông thôn; trong đó có 276 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tổng số vốn đầu tư của các dự án 6.724,7 tỷ đồng, vốn thực hiện 5.469 tỷ đồng, đạt 81,3%, với suất đầu tư bình quân 17,5 tỷ đồng/dự án... phù hợp với mục tiêu đầu tư xây dựng CCN, nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh. Trong năm 2020, các doanh nghiệp trong CCN đã đóng góp khoảng 20% giá trị SXCN, 36% KNXXK toàn tỉnh; đóng góp ngân sách nhà nước hàng trăm tỷ đồng⁴ và giải quyết việc làm cho 23.550 lao động với mức lương bình quân từ 4,5-5,5 triệu đồng/người/tháng.

2.7. Về tổ chức thực hiện các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy cơ quan đầu mối tham mưu giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với CCN trên địa bàn; những khó khăn, bất cập, yêu cầu đặt ra và đề xuất điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách

UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3501/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Bình Định; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 quy định Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo đó, giao Sở Công Thương Bình Định là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh Bình Định quản lý nhà nước về CCN trên địa bàn được quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ.

⁴ Năm 2021: khoảng 476 tỷ đồng.

Mặc dù Sở Công Thương Bình Định là cơ quan đầu mối quản lý CCN trên địa bàn cấp tỉnh; tuy nhiên, để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong CCN, các nhà đầu tư thứ cấp phải liên hệ, thực hiện các thủ tục tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau (*như: chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; thẩm định, trình phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tại Sở Xây dựng; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục giao đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường...*) nên chưa tạo điều kiện thuận lợi nhất về thời gian cho doanh nghiệp, cơ quan đầu mối quản lý CCN - Sở Công Thương Bình Định gặp khó khăn trong công tác tổng hợp, quản lý nhà nước trên các hoạt động của CCN.

Mô hình CCN có tính tương đồng như mô hình khu công nghiệp thu nhỏ nhưng nhân sự thực hiện công tác quản lý nhà nước CCN ở cấp huyện còn mỏng; chức năng quản lý CCN ở Sở Công Thương giao 01 phòng chuyên môn phụ trách nên khó khăn trong nắm bắt cụ thể, cũng như bao quát hết những vấn đề liên quan đến hoạt động CCN từ quy hoạch, thành lập, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất, quy hoạch chi tiết, công tác bảo vệ môi trường, đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN, thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN..., nhất là các hoạt động triển khai ở cấp huyện.

II. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT CHUNG

1. Những mặt được

- Việc triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về quản lý, phát triển CCN đã tạo điều kiện trong tiếp cận chính sách về đất đai, đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất, thu hút những doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở sản xuất, kinh doanh vào CCN tại địa bàn kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, ít có khả năng đầu tư vào khu công nghiệp, đáp ứng nhu cầu đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; góp phần kiểm soát, hạn chế ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, hình thành các mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong CCN và giữa các CCN với nhau trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Việc đầu tư phát triển CCN theo các quy định đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định theo định hướng và mục tiêu đề ra, góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, cũng như tạo thuận lợi trong việc quản lý và điều hành của nhà nước; các thủ tục hành chính liên quan công tác quy hoạch, thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý hoạt động của CCN ngày càng được các địa phương quan tâm, nhận thức một cách đúng mức, tổ chức thực hiện theo trình tự, quy định của pháp luật.

- Các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, đã khuyến khích và thu hút được 12 doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật 14

CCN, bước đầu hoạt động có hiệu quả⁵, góp phần giảm áp lực vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN với tỷ lệ dự án đưa vào hoạt động cao; tỷ lệ vốn thực hiện so tổng vốn đăng ký; tỷ lệ lấp đầy CCN đạt khá so các tỉnh có nhiều CCN được quy hoạch phát triển.

- Các cơ sở sản xuất trong CCN đều có quy mô nhỏ và vừa, hoạt động tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn nhưng đã giải quyết hàng chục nghìn việc làm cho lao động tại địa phương với thu nhập ổn định, tăng thu ngân sách và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn, góp phần thực hiện chủ trương “*ly nông bất ly hương*”, xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

2. Hạn chế, tồn tại

- Công tác dự báo nhu cầu lập quy hoạch chưa sát thực tế, quy mô diện tích của nhiều CCN khá nhỏ, quy hoạch chi tiết phải điều chỉnh bổ sung nhiều lần, nhất là ngành nghề thu hút đầu tư.

- Diện tích đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng còn ít; hạ tầng kỹ thuật CCN xây dựng chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, chưa sẵn sàng đáp ứng thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh ở từng địa phương, từng CCN cụ thể, nhất là các CCN do các đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, làm cho hiệu quả sử dụng đất chưa cao.

- Doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN chưa nhiều, phần lớn do các đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư; tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các CCN nhìn chung còn chậm, kể cả các CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư; công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư chưa được chủ đầu tư hạ tầng quan tâm đúng mức; tỷ lệ lấp đầy một số CCN đã thành lập và đi vào hoạt động còn thấp.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các CCN chưa thực sự hiệu quả; ý thức chấp hành các quy định pháp luật bảo vệ môi trường đối với CCN của chủ đầu tư hạ tầng CCN và các doanh nghiệp tại đa số các CCN chưa cao; hầu hết các CCN chưa thực hiện đúng và đầy đủ về quy định bảo vệ môi trường, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường còn xảy ra dù doanh nghiệp hoạt động trong CCN.

- Việc đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại một số CCN hiệu quả thấp, lãng phí đầu tư; vẫn còn nhiều CCN đã đi vào hoạt động nhưng chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc mới chỉ xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước nước mặt, nước thải sinh hoạt; nguồn ngân sách dành cho công tác bảo vệ môi trường tại các CCN do nhà nước đầu tư và quản lý còn hạn chế, rất khó để đầu tư xây dựng và vận hành công trình về bảo vệ môi trường tại các CCN.

3. Nguyên nhân của kết quả và hạn chế, yếu kém

- Các doanh nghiệp hoạt động trong CCN phần lớn có quy mô nhỏ và vừa nằm

⁵CCN Tam Quan, Cát Trinh, Cát Nhơn...

trong khu vực nội thành, có dân cư xen lẫn nên rất khó kiểm soát ô nhiễm môi trường; đô thị hóa tiến gần một số CCN có vị trí thuận lợi và các địa phương quy hoạch đầu tư giá đất ở nằm gần CCN, nhất là các CCN trong khu vực nội thành; tư vấn lập quy hoạch chưa đánh giá hết nhu cầu, chưa sát thực tế nên điều chỉnh cục bộ, ngành nghề nhiều lần.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng luôn gặp khó khăn, kinh phí thực hiện hạn hẹp, một số hộ dân chưa đồng tình hoặc đã nhận tiền bồi thường nhưng chưa chịu di dời, ...

- Công tác bảo vệ môi trường chưa được chủ đầu tư hạ tầng quan tâm đúng mức, đầu tư xây dựng công trình bảo vệ môi trường tốn kém nhiều chi phí, các chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN chỉ chú trọng công tác thu hút doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.

- Hiệu quả dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật còn thấp, vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN của một số chủ đầu tư chưa đảm bảo, kéo dài tiến độ đầu tư xây dựng các hạng mục công trình theo đề án được phê duyệt, nhất là chủ đầu tư là đơn vị thuộc UBND cấp huyện bị hạn chế về vốn, chủ yếu huy động vốn từ các doanh nghiệp thứ cấp; chính sách ban hành chưa đủ sức khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN.

III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT/KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất/ kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các quy định tại các Nghị định để khắc phục những bất cập, tồn tại và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước đối với CCN trong thời gian tới

- Về điều kiện mở rộng CCN: Theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN quy định “*d) Hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành thường xuyên các công trình hạ tầng kỹ thuật chung theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt*”, để thuận lợi trong việc thu hút nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật mở rộng CCN, đồng thời hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật CCN hiện hữu, nhất là các CCN hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ do đơn vị nhà nước làm chủ đầu tư vì chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng lớn, trong khi nguồn vốn nhà nước là có hạn... kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, đề xuất điều chỉnh theo hướng loại bỏ điều kiện nêu trên trong quy định điều kiện mở rộng CCN.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN thì “*Các công trình xây dựng trong CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến UBND cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ*”. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 thì không có đối tượng miễn giấy phép xây dựng như quy

định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì *“Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”*. Do đó, công trình xây dựng trong CCN như nêu tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP không thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

- Lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN “khác”: Theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP quy định: *“...Trong quá trình thực hiện, nếu chủ đầu tư không thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật sau 12 tháng kể từ ngày thành lập, mở rộng CCN hoặc ngừng thực hiện, chậm triển khai dự án 12 tháng so với tiến độ tại quyết định thành lập, mở rộng CCN thì UBND cấp tỉnh xem xét gia hạn hoặc quyết định lựa chọn chủ đầu tư khác”*.

Tuy nhiên, Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương chưa quy định hồ sơ, thủ tục *lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN “khác”* đối với CCN đã quyết định thành lập nên gặp khó khăn trong hướng dẫn thực hiện. Kính đề nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp nêu trên.

- Về điều kiện thành lập CCN: Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, điều kiện thành lập CCN *“Có trong phương án phát triển CCN nằm trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt”*. Tuy nhiên, trong khi chờ Quy hoạch tỉnh Bình Định được phê duyệt, Sở Công Thương Bình Định tiếp tục áp dụng điều kiện *“Có trong Quy hoạch phát triển CCN đã được phê duyệt”* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP có phù hợp hay không? Kính đề nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

- Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP quy định: *“4. Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về CCN không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển CCN trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các CCN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.”* để giảm bớt thủ tục, thời gian điều chỉnh, tăng trách nhiệm cho địa phương, kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, phân cấp cho UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi nhỏ, thường xuyên nêu trên.

2. Các đề xuất/kiến nghị cụ thể đối với các cơ quan/đơn vị liên quan

2.1. Chính phủ

- Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN nhằm giải quyết vấn đề môi trường tại các CCN, nhất là xử lý nước thải của các CCN hình thành trước

Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý CCN, khuyến khích, ưu tiên doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN; bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.

- Cần có chủ trương, chính sách quy định chuyển giao CCN do đơn vị sự nghiệp, nhà nước làm chủ đầu tư sang doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý sau đầu tư; trường hợp CCN không thể chuyển giao doanh nghiệp, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước để đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN và duy trì bộ máy quản lý.

- Tiếp tục nghiên cứu rà soát, đánh giá quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quy mô diện tích CCN, điều kiện tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN trên địa bàn cấp huyện khi thành lập CCN để phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm các khu vực, vùng, miền.

- Cần có quy định, phân cấp, ủy quyền, giao trách nhiệm nhiều hơn cho cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương địa phương (*Sở Công Thương và phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện*) để các cơ quan này đủ công cụ, điều kiện thực hiện vai trò, chức năng cơ quan đầu mối quản lý phát triển công nghiệp, thương mại; quản lý quy hoạch, thành lập, đầu tư và hoạt động CCN trên địa bàn.

2.2. Bộ Công Thương

- Sớm ban hành Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN giai đoạn sau năm 2020 do ngân sách Trung ương đảm bảo; đồng thời, có văn bản hướng dẫn thực hiện, nhất là về nội dung và định mức hỗ trợ đầu tư một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật CCN, làm cơ sở để các Sở Công Thương thực hiện.

- Đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định hướng dẫn chuyển đổi mô hình chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN từ đơn vị sự nghiệp nhà nước (đã đầu tư một phần hoặc toàn bộ hạ tầng kỹ thuật từ ngân sách nhà nước) sang doanh nghiệp làm chủ đầu tư và xử lý tài sản công đã đầu tư.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế nhằm tinh giản thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN và dự án sản xuất kinh doanh trong CCN; ưu tiên, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.

- Hỗ trợ tỉnh Bình Định đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN theo chính sách khuyến khích công quốc gia và tham gia Đề án thí điểm đầu tư các CCN tập trung theo mô hình cụm liên kết ngành sản xuất các nguyên phụ liệu quan trọng ngành may mặc (*theo Quyết định số 2793/QĐ-BCT ngày 30/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương*);

- Hỗ trợ tỉnh Bình Định kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các CCN theo quy hoạch, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong kêu gọi, xúc tiến thu hút đầu tư, phát triển CCN.

- Từ thực trạng đầu tư xây dựng và hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải

tập trung của CCN trên địa bàn tỉnh với hiệu quả đầu tư thấp, gây lãng phí..., kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thực hiện đánh giá, đề xuất việc đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các CCN phù hợp với ngành nghề thu hút và tình hình hoạt động sản xuất trong CCN.

- Cần có chế tài cụ thể đối với vi phạm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đối với các doanh nghiệp và các chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời thống nhất biểu mẫu báo cáo của ngành công thương với ngành thống kê đối với các doanh nghiệp tại các CCN, nhằm đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp khi thực hiện chế độ báo cáo.

Trên đây là báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và 02 năm thực hiện Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- Sở Công Thương;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K6 (06b).

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng đến 30/6/2022	Dự kiến giai đoạn đến năm 2030
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
I	Quy hoạch phát triển CCN			
1	Số lượng CCN theo quy hoạch phát triển CCN	Cụm	62	60
2	Tổng diện tích CCN theo quy hoạch phát triển CCN	ha	1.950,9	2.507,7
II	Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN			
3	Số lượng CCN đã thành lập	Cụm	53	60
4	Tổng diện tích các CCN đã thành lập	ha	1.581,3	2.507,7
5	Tổng số lượng CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm	14	52
6	Tổng diện tích các CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha	513,7	2.314,0
7	Số lượng CCN do Trung tâm phát triển CCN cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm	0	0
8	Tổng diện tích các CCN do Trung tâm phát triển CCN cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha	0	0
9	Số lượng CCN do Ban quản lý CCN cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm	0	0
10	Tổng diện tích các CCN do Ban quản lý CCN cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha	0	0
11	Số lượng CCN do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm	0	0
12	Tổng diện tích các CCN do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	ha	0	0
13	Số lượng CCN Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm	39	8
14	Tổng diện tích các CCN do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	ha	1.070,2	193,7
15	Số lượng CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm	52	60
16	Tổng diện tích các CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha	1.584,5	2.507,7
17	Số lượng CCN đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm	22	
18	Tổng diện tích các CCN đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha	699,3	
19	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các CCN (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng	2.102,4	
20	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các CCN	Tỷ đồng	1.288,6	
III	Hoạt động của các CCN			
21	Số lượng các CCN đi vào hoạt động	Cụm	45	60
22	Tổng diện tích các CCN đi vào hoạt động	ha	1.361,1	2.507,7

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng đến 30/6/2022	Dự kiến giai đoạn đến năm 2030
23	Tổng diện tích đất công nghiệp của các CCN đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha	950,3	
24	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các CCN	ha	561,1	
25	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN đi vào hoạt động	%	59,0	
26	Tổng số dự án đầu tư trong các CCN	Dự án	385	
27	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các CCN	Tỷ đồng	6.724,7	
28	Tổng số người lao động làm việc trong các CCN	Người	23.550	
29	Nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các CCN trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng	476,2	
30	Số CCN có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm	9	

**PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2030**

TT	Tên CCN	Địa điểm (xã, huyện)	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư (đối với CCN đã thành lập)	Ngành nghề (đa ngành, làng nghề, chuyên ngành, hỗ trợ, sinh thái,...)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
I CÁC CCN CHƯA THÀNH LẬP (đang thu hút đầu tư hạ tầng)							
1	1	CCN Phú Phát	Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	70,00		Đa ngành	Bổ sung mới
2	2	CCN Phước Mỹ	Phước Mỹ, Quy Nhơn	50,38		Đa ngành	Bổ sung mới
3	3	CCN Bình An	Phước Thành, Tuy Phước	38,23		Đa ngành	
4	4	CCN Qui Hội	Phước An, Tuy Phước	27,24		Đa ngành	Bổ sung mới
5	5	CCN Tân Tường An	Mỹ Quang, Phù Mỹ	50,00		Đa ngành	
6	6	CCN thủy sản Mỹ Thành	Mỹ Thành, Phù Mỹ	26,28		Chuyên ngành thủy sản	Quy hoạch 70 ha; Điều chỉnh giảm 43,72 ha
7	7	CCN Trung Hiệp	Mỹ Chánh Tây, Phù Mỹ	61,00		Đa ngành	Bổ sung mới
8	8	CCN Thiết Đỉnh Bắc	Bồng Sơn, Hoài Nhơn	50,00		Đa ngành	
9	9	CCN Giao Hội	Hoài Tân, Hoài Nhơn	65,00		Chuyên ngành lâm sản	
10	10	CCN Mỹ An - Hoài Thanh	Hoài Thanh, Hoài Nhơn	70,00		Đa ngành	Bổ sung mới
11	11	CCN Cự Lễ	Hoài Phú, Hoài Hào, Hoài Nhơn	74,00		Đa ngành	Bổ sung mới
12	12	CCN Hoài Mỹ	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn	74,00		Đa ngành	Bổ sung mới
13	13	CCN Thôn 1 An Hưng	An Hưng, An Lão	30,00		Đa ngành	Bổ sung mới
14	14	CCN Kđai	An Trung, An Lão	15,00		Đa ngành	Bổ sung mới
II CÁC CCN ĐÃ THÀNH LẬP							
A CCN thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP							
15	1	CCN Nhơn Tân 1	Nhơn Tân, An Nhơn	66,00	Công ty TNHH MTV ĐTPT Kho bãi Nhơn Tân	Đa ngành	
16	2	CCN Hoài Châu	Hoài Châu, Hoài Nhơn	40,00	Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập	Đa ngành	Hiện trạng 25 ha; Mở rộng 15 ha
17	3	CCN Hoài Hào	Hoài Hào, Hoài Nhơn	17,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	
18	4	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	Hoài Tân, Hoài Nhơn	15,34	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	Quy hoạch 21 ha; QHCT 15,34 ha
19	5	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn	47,64	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	Hiện trạng 12 ha; Mở rộng 35,64 ha
B Các CCN thành lập theo quy định tại Quyết định 105/2009/QĐ-TTg							
20	1	CCN Nhơn Phong	Nhơn Phong, An Nhơn	11,50	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
21	2	CCN Đồi Hòa Sơn	Nhơn Mỹ, An Nhơn	37,00	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	Đa ngành	
22	3	CCN Nhơn Tân	Nhơn Tân, An Nhơn	25,00	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu	Đa ngành	
23	4	CCN An Mơ	Nhơn Tân, Nhơn Thọ, An Nhơn	29,40	Công ty CP ĐT TM TH Trường Thịnh	Đa ngành	
24	5	CCN Cầu 16	Tây Thuận, Tây Sơn	38,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	
25	6	CCN Bình Nghi	Bình Nghi, Tây Sơn	73,70	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 23,7 ha; Mở rộng 50 ha
26	7	CCN Cát Nhơn	Cát Nhơn, Phù Cát	75,00	Tổng công ty PISICO	Đa ngành	Hiện trạng 60,2 ha; Mở rộng 14,8 ha
27	8	CCN Cát Hiệp	Cát Hiệp, Phù Cát	50,00	Công ty CP BDS và XD Trường Thành	Đa ngành	
28	9	CCN Cát Trinh	Cát Trinh, Phù Cát	16,80	Tổng công ty May Nhà Bè CTCP	Chuyên ngành may	

TT	Tên CCN	Địa điểm (xã, huyện)	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư (đối với CCN đã thành lập)	Ngành nghề (đa ngành, làng nghề, chuyên ngành, hỗ trợ, sinh thái, ...)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
29	10	CCN Bồng Sơn	Bồng Sơn, Hoài Nhơn	30,50	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	
30	11	CCN Hoài Tân	Hoài Tân, Hoài Nhơn	74,50	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	
31	12	CCN Hoài Hương	Hoài Hương, Hoài Nhơn	74,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	Hiện trạng 11,2 ha; Mở rộng 62,2 ha
32	13	CCN Tường Sơn	Hoài Sơn, Hoài Nhơn	19,90	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đa ngành	Hiện trạng 15 ha; Mở rộng 4,9 ha
33	14	CCN Dốc Trông Sỏi	Tăng Bạt Hồ, Hoài Ân	19,02	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	Đa ngành	Điều chỉnh QĐTL 19,02 ha
34	15	CCN Du Tự	Tăng Bạt Hồ, Hoài Ân	10,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	Đa ngành	
35	16	CCN Gò Bằng	Ấn Mỹ, Hoài Ân	10,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	Đa ngành	
36	17	CCN Tà Súc (GĐ 1 + GĐ 2)	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh	35,74	GĐ 1: Công ty CP XLD Tuy Phước GĐ 2: UBND huyện Vĩnh Thạnh	Đa ngành	
C	CCN thành lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT, Thông tư 17/2016/TT-BCT						
37	1	CCN Bùi Thị Xuân	Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	23,30	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Quy Nhơn	Đa ngành	
38	2	CCN Phước An	Phước An, Tuy Phước	49,50	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước	Đa ngành	
39	3	CCN Bình Định	Bình Định, An Nhơn	14,40	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
40	4	CCN Gò Đá Trắng	Đập Đá, An Nhơn	16,90	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
41	5	CCN Nhơn Hòa	Nhơn Hòa, An Nhơn	21,60	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
42	6	CCN Thanh Liêm	Nhơn An, An Nhơn	4,60	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
43	7	CCN An Trường	Nhơn Tân, An Nhơn	28,30	Công ty CP Du lịch Hoàn Cầu	Đa ngành	
44	8	CCN Tân Đức	Nhơn Mỹ, An Nhơn	50,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	Đa ngành	
45	9	CCN Hóc Bọm	Bình Nghi, Tây Sơn	74,80	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 37,8 ha; Mở rộng 37 ha
46	10	CCN Cầu Nước Xanh	Bình Nghi, Tây Sơn	38,80	Công ty CP CCN Cầu Nước Xanh	Đa ngành	
47	11	CCN Phú An	Tây Xuân, Tây Sơn	38,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	
48	12	CCN Gò Giữa	Tây Giang, Tây Sơn	75,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 35 ha; Mở rộng 40 ha
49	13	CCN Gò Cây	Bình Thành, Tây Sơn	75,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 30 ha; Mở rộng 45 ha
50	14	CCN Bình Tân	Bình Tân, Tây Sơn	75,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 30 ha; Mở rộng 45 ha
51	15	CCN Tây Xuân	Tây Xuân, Tây Sơn	74,10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	Hiện trạng 52,14 ha; Mở rộng 21,96 ha
52	16	CCN Rẫy Ông Thơ	Tây An, Tây Sơn	21,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	Đa ngành	
53	17	CCN Gò Mít	Ngô Mây, Phù Cát	13,40	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Cát	Đa ngành	
54	18	CCN Bình Dương	Bình Dương, Mỹ Lợi, Phù Mỹ	75,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	Đa ngành	
55	19	CCN Diêm Tiêu	Phù Mỹ, Phù Mỹ	38,20	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	Đa ngành	
56	20	CCN Đại Thạnh	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ	66,50	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	Đa ngành	

TT	Tên CCN	Địa điểm (xã, huyện)	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư (đối với CCN đã thành lập)	Ngành nghề (đa ngành, làng nghề, chuyên ngành, hỗ trợ, sinh thái,...)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
57	21	CCN Tam Quan	Tam Quan, Hoài Nhơn	16,34	Tổng công ty May Nhà Bè CTCP	Chuyên ngành may	
58	22	CCN Gò Bù	An Lão, An Lão	11,70	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện An Lão	Đa ngành	
59	23	CCN Gò Cây Duối	An Hòa, An Lão	14,10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện An Lão	Đa ngành	
60	24	CCN thị trấn Vân Canh	Vân Canh, Vân Canh	75,00	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vân Canh	Đa ngành	Hiện trạng 37 ha; Mở rộng 38 ha
D	Các CCN khác (hình thành trước Quyết định 105/2009/QĐ-TTg, chưa có quyết định thành lập hoặc có quyết định thành lập theo quy định riêng của UBND cấp tỉnh,...)						
Tổng:			2.507,71				

Tổng số CCN dự kiến phát triển giai đoạn 2021-2030: 60 cụm; tổng diện tích: 2.507,71 ha

Trong đó:

- Tổng các CCN đa ngành: 56 cụm; tổng diện tích: 2.383,29 ha
- Tổng các CCN chuyên ngành: 04 cụm; tổng diện tích: 124,42 ha

PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG, THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ước thực hiện đến hết 30/6/2022)

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý			
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
I Các CCN chủ đầu tư là các doanh nghiệp/hợp tác xã																		
1	1	CCN Đồi Hòa Sơn	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	37,0	x	x	x	90,8	22,2			Hiện đang triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cụ thể: San lấp mặt bằng những khu vực trũng; xây dựng tường rào, cổng chính, bảng hiệu, nhà bảo vệ; xây dựng đường trục CCN; xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước mưa, hồ sinh thái, chòi nghỉ; xây dựng nhà tam điều hành.	4		39,7			X
2	2	CCN Nhơn Tân	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu	24,4	x	x	X	104,6	2,5			Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.			0,0			X
3	3	CCN An Mơ	Công ty CP ĐT TM TH Trường Thịnh	29,4	x	x	X	87,0	100,0			Đang đầu tư đường giao thông trục chính CCN đạt 80%, đang đầu tư hệ thống điện, đang xây dựng hệ thống thu gom nước thải.	1		11,4			X
4	4	CCN An Trường	Công ty CP Du lịch Hoàn Cầu	28,3	x	x	X	50,0	30,0			Đã đầu tư đường giao thông trục chính CCN, đang đầu tư hệ thống điện, đang xây dựng hệ thống thu gom nước thải.	2		34,3			X
5	5	CCN Nhơn Tân 1	Công ty TNHH MTV ĐTPT Kho bãi Nhơn Tân	65,7	x	x	X	580,0	300,0			Đã xây dựng đường giao thông trục chính CCN, ống cống bê tông và hồ ga, mương thoát nước mưa, nhà điều hành, trạm cân, đường dây điện và 02 trạm biến áp tổng công suất 1.190KVA.	3		29,1			X
6	6	CCN Cầu Nước Xanh	Công ty CP CCN Cầu Nước Xanh	38,8	x	x	X	80,0	26,2			Đang xây dựng tường rào bao quanh, công chào; đường trục CCN cấp phối chưa thảm nhựa với đường số 1 và 2, riêng đường số 3 mới chỉ san lấp; hệ thống thoát nước mưa; hoàn thành đường nước thải ra sông Kôn; hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống điện, thiết bị điện; hoàn thành nhà tam điều hành; hoàn thành cung cấp nước sản xuất.		1	44,5	X		
7	7	CCN Cát Nhơn	Tổng công ty PISICO	60,2	x	x	X	39,0	29,7	3,9		Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	11	1	99,9	X		
8	8	CCN Cát Hiệp	Công ty CP BĐS và XD Trường Thành	50,0	x	x	X	410,0	0,0			Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.			0,0			X

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý		
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
9	9	CCN Cát Trinh	Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP	16,8	x	x	x	40,0	500,0			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	3	2	90,1	x	
10	10	CCN chế biến thủy sản Cát Khánh	Công ty CP Đầu tư HQG	41,3	x	x	x	80,0	20,0	7,0	- Đã triển khai đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật trong phần diện tích được cho thuê: đường giao thông nội bộ giai đoạn 1; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước; PCCC... - Chưa đầu tư hệ thống cấp điện.			0,0			x
11	11	CCN Tam Quan	Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP	16,3	x	x	x	26,7	26,7			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN	3		100,0		x
12	12	CCN Hoài Châu	Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập	25,0	x	x	x	93,4	45,6			Đang san lấp mặt bằng.			0,0		x
13	13	CCN Tà Súc (GĐ 1)	Công ty CP XLĐ Tuy Phước	19,7	x	x	x	79,0	15,6	1,8		Đang triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	8		100,0		x
14	14	CCN Canh Vinh	Tổng công ty PISICO	58,2	x	x	x	40,7	21,4	4,3		Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	3		12,8	x	
II		Các CCN chủ đầu tư từ đơn vị nhà nước															
15	1	CCN Bùi Thị Xuân	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Quy Nhơn	23,3	x	x	x	69,4	47,1			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	1		6,7		x
16	2	CCN Phước An	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước	49,5	x	x	x	72,7	64,9			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	17		100,0	x	
17	3	CCN Bình Định	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	14,4	x	x	0	43,3	20,0			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	9	3	100,0		x
18	4	CCN Gò Đá Trắng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	16,8	x	x	x	22,2	6,9			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	49		100,0	x	
19	5	CCN Nhơn Hòa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	13,8	x	x	0	8,7	11,0			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	5		100,0		x

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý			
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
20	6	CCN Nhơn Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	11,3	x	x	x	25,0	1,3			- Xây dựng khoảng 0,9 km đường giao thông đầu nối vào CCN; - Chưa xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.	2		14,3			x
21	7	CCN Thắng Công	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	18,8	x	x	0	54,0	0,0			Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.			0,0			x
22	8	CCN Thanh Liêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	4,6	x	x	x	10,4	10,4			Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	9		100,0	x		
23	9	CCN Tân Đức	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	31,5	x	x	0	102,0	2,1			Đã đầu tư hoàn thành đường giao thông đầu nối từ đường chính đến hàng rào CCN và đường dây điện đến hàng rào CCN; đang đầu tư đường giao thông trục chính CCN và triển khai xây dựng các đường nhánh trong CCN.	20	1	97,9			x
24	10	CCN Hóc Bơm	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	37,8	x	x	0	60,5	19,3	1,0	0,2	- Đã xây dựng 0,7 km đường giao thông đầu nối vào CCN, 0,49 km đường giao thông trục chính CCN, xây dựng hệ thống điện đạt 46%, hệ thống cấp thoát nước đạt 10%.	11		31,5			x
25	11	CCN Phú An	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	38,0	x	x	x	57,1	18,0	2,3	0,4	Xây dựng hệ thống mương thoát nước CCN đạt 30%; hệ thống giao thông nội bộ của CCN đạt 25%; hệ thống cấp điện; cổng chào CCN.	29	1	71,3	x		
26	12	CCN Trường Định	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	20,0	x	x	0	60,0	8,0	1,1	0,3	- Xây dựng 1,4 km đường giao thông đầu nối vào CCN và 0,05 km đường giao thông trục chính CCN; - Chưa xây dựng hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.	5		45,0			x
27	13	CCN Cầu 16	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	38,0	x	x	0	68,0	5,6		0,4	- Xây dựng 1,4 km đường giao thông trục chính CCN, có đường điện trung thế đi qua; - Chưa xây dựng hệ thống cấp, thoát nước.	4		37,5			x
28	14	CCN Bình Nghi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	23,7	x	x	0	33,6	6,7		0,3	Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	6		100,0			x
29	15	CCN Gò Đá	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn		x	0	0	38,0	1,2			Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	2		34,3			x
30	16	CCN Gò Giữa	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn		x	0	0	105,0	0,9			Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	2		14,0			x

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý		
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
31	17	CCN Gò Cây	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	30,0	x	x	0	90,0	6,8	1,0	- Xây dựng 0,5 km đường giao thông đầu nối vào CCN, đường giao thông trục chính chưa cấp phối (đường đất); các dự án thứ cấp đang sử dụng chung đường điện cao thế 22kV từ Quốc lộ 19B vào dọc theo đường trục chính CCN, hệ thống điện này do các doanh nghiệp góp vốn đầu tư xây dựng từ năm 2017; - Chưa đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước.	13		65,0			X
32	18	CCN Bình Tân	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	30,0	x	x	0	90,0	0,6	0,3	Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	2		4,4			X
33	19	CCN Tây Xuân	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	52,1	x	x	0	100,0	22,2	1,5	- Đang đầu tư hệ thống đường giao thông nội bộ đạt khoảng 5%, hệ thống điện khoảng 10%; - Chưa xây dựng hệ thống cấp thoát nước.	19		50,3			X
34	20	CCN Rẫy Ông Thơ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn	21,0	x	x	0	30,0	5,6	0,5	- Đang đầu tư hệ thống đường giao thông nội bộ đạt khoảng 28%, đang đầu tư hệ thống điện; - Chưa xây dựng hệ thống cấp thoát nước.	6		32,5			X
35	21	CCN Gò Mít	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Cát	13,4	x	x	0	13,5	5,5		Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	21		100,0	X		
36	22	CCN Bình Dương	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	77,0	x	x	0	90,0	22,7	4,5	Đã xây dựng đường giao thông trục chính và đường nội bộ CCN; điện chiếu sáng dọc đường trục chính, mương thoát nước mưa.	22		84,8			X
37	23	CCN Diêm Tiêu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	43,4	x	x	0	51,4	8,4		Đã xây dựng đường giao thông trục chính CCN; điện chiếu sáng dọc đường trục chính.	7	1	49,2			X
38	24	CCN Đại Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	63,8	x	x	0	78,0	17,1	3,0	Đã xây dựng đường giao thông trục chính và đường nội bộ CCN; điện chiếu sáng dọc đường trục chính, mương thoát nước mưa.	9		70,8			X
39	25	CCN An Lương	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ	30,3	x	x	0	90,0	2,9		- Hoàn thành đường BTXM phía tây, đầu tư công thoát nước phía tây; - Chưa xây dựng đường giao thông trục chính, hệ thống điện.			0,0			X

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý		
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
40	26	CCN Bồng Sơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	30,5	x	x	0	64,5	40,1		Xây dựng đường giao thông trục chính đạt 60%; hoàn thành hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	13		84,8			X
41	27	CCN Hoài Tân	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	74,5	x	x	0	204,8	33,2	0,4	Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	9	1	76,1			X
42	28	CCN Hoài Hảo	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	16,8	x	x	0	52,5	8,1	0,1	Hoàn thành xây dựng đường giao thông trục chính, hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	3		78,9			X
43	29	CCN Hoài Thanh Tây	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	8,9	x	x	0	53,7	4,4		Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	1		25,1			X
44	30	CCN Hoài Hương	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	11,8	x	x	0	52,8	13,8		Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.			0,0			X
45	31	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	15,3	x	x	0	58,0	1,0		Chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.			0,0			X
46	32	CCN Tường Sơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	15,0	x	x	0	30,0	0,5		Đang đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	2		41,4			X
47	33	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	12,0	x	x	0	33,6	6,9		Đã đầu tư đường giao thông trục chính nội bộ CCN; đang đầu tư hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	4		56,8			X
48	34	CCN Dốc Truong Sỏi	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	15,3	x	x	0	29,2	12,9	5,1	Đang đầu tư đường giao thông trục chính nội bộ CCN, hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	4		38,6			X
49	35	CCN Du Tụ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	9,0	x	x	0	30,0	0,2		Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	2		52,7			X

TT	Tên CCN	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích CCN theo QHCT (ha)	Thủ tục đầu tư			Vốn đầu tư hạ tầng				Hiện trạng đầu tư hạ tầng kỹ thuật	Doanh nghiệp			Hệ thống xử lý			
				Quyết định thành lập CCN (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt QHCT xây dựng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Quyết định phê duyệt dự án hạ tầng hoặc GCN đầu tư KD hạ tầng (có đánh dấu x, chưa đánh số 0)	Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch (tỷ.đ)	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỷ.đ)	Tổng vốn đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương (tỷ.đ)		Số DN/DA trong nước	Số DN/DA nước ngoài	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Đã XD	Đang XD	Chưa XD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
50	36	CCN Gò Bàng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	10,0	x	x	0	30,0	0,8		Chưa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	1		18,1			X	
51	37	CCN Gò Bù	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện An Lão	11,7	x	x	X	17,2	5,0	3,9	- Xây dựng đường giao thông trục chính đạt 22%; - Chưa đầu tư hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	7		92,4			X	
52	38	CCN Gò Cây Duối	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện An Lão	14,1	x	x	X	27,2	5,0	3,9	- Xây dựng đường giao thông trục chính đạt 50%; - Chưa đầu tư hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước.	9		100,0			X	
53	39	CCN Tà Súc (GD 2)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	16,0	x	x	0		2,5		Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	6		75,0				
54	40	CCN thị trấn Vân Canh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vân Canh	36,9	x	x	0	70,0	4,1	3,4	Chưa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.	5		48,7			X	
Tổng:				1.511,5	54	52	22	4.017,4	1.593,3	41,0	9,6		374	11	50,5	9	0	44

Thống kê chủ đầu tư:

- Số CCN do doanh nghiệp/hợp tác xã làm chủ đầu tư: 14 cụm
- Số CCN do đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước làm chủ đầu tư: 40 cụm

**PHỤ LỤC 4. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, CHỖNG CHÉO TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ
CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG XỬ LÝ**

T T	Nội dung khó khăn, vướng mắc, chỖng chéo (nêu rõ tại các văn bản QPPL nào)	Lý do, căn cứ pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN thì “Các công trình xây dựng trong CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến UBND cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ”	Theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 thì không có đối tượng miễn giấy phép xây dựng như quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”.	Do đó, công trình xây dựng trong CCN như nêu tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP không thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. Vì vậy, cần điều chỉnh, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật đối với việc cấp giấy phép xây dựng hoặc miễn giấy phép xây dựng trong CCN để công tác quản lý về trật tự xây dựng tại các CCN được thuận lợi hơn.	
2	Lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN “khác”: Theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP có quy định: “...Trong quá trình thực hiện, nếu chủ đầu tư không thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật sau 12 tháng kể từ ngày thành lập, mở rộng CCN hoặc ngừng thực hiện, chậm triển khai dự án 12 tháng so với tiến độ tại quyết định thành lập, mở rộng CCN thì UBND cấp tỉnh xem xét gia hạn hoặc quyết định lựa chọn chủ đầu tư khác”.	Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương chưa quy định hồ sơ, thủ tục lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN “khác” đối với CCN đã quyết định thành lập nên gặp khó khăn trong hướng dẫn thực hiện. Kính đề nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp nêu trên.	Kính đề nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp nêu trên.	

T T	Nội dung khó khăn, vướng mắc, chồng chéo (nêu rõ tại các văn bản QPPL nào)	Lý do, căn cứ pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	<p>Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP: “4. Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về CCN không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển CCN trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các CCN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.”</p>	<p>Để giảm bớt thủ tục, thời gian điều chỉnh, tăng trách nhiệm cho địa phương,</p>	<p>Kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, phân cấp cho UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi nhỏ, thường xuyên quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.</p>	